



CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY






BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **NĂM 2018**



MỤC LỤC

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN.....	5
MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	6
NĂNG LỰC QUẢN TRỊ	7
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY	7
BAN KIỂM SOÁT	9
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG.....	10
DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN	
CÔNG BỐ THÔNG TIN	10
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT	11
TỶ LỆ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU:	11
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	13
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	25
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	29

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

Tên doanh nghiệp:	:	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG
Mã số thuế	:	3700769438
Năm thành lập	:	1989
	:	0274.3755413
	:	0274.3755415
	:	info@protradegarment.com
	:	Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
	:	http://www.protradegarment.com
GCNĐKKD số	:	3700769438
Vốn điều lệ	:	120.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	:	120.000.000.000 đồng
Mã cổ phiếu	:	BDG
Ngành nghề kinh doanh	:	Sản xuất quần áo may sẵn
Thị trường	:	Mỹ, Châu Âu
Chứng chỉ quốc tế	:	ISO 9001:2008, SA 8000:2014, WRAP, GSV
Sản phẩm chính:	:	Quần jeans, áo sơ mi
Nhãn hiệu công ty sản xuất	:	OLYMP, ROCK REVIVAL, MISS ME, COSTCO
Công ty liên kết:	:	Công ty cổ phần Phát triển Thời trang (30% vốn)
Công ty con	:	Công ty cổ phần Protrade Laundry (99.8% vốn)

SỨ MỆNH : Mang đến lợi ích cho khách hàng bằng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất. Công ty lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi suy nghĩ và hành động.

Mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư bằng tri thức và tính chính trực của Công ty.

TÂM NHÌN Trở thành công ty dệt may hàng đầu tại Việt Nam, nơi mà khách hàng đặt trọn niềm tin về chất lượng và kiểu dáng.

Tiền thân của Công ty cổ phần May mặc Bình Dương là Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương 100% vốn nhà nước được thành lập vào tháng 11/1989.

Thời gian đầu Công ty chỉ có 02 phân xưởng chuyên may gia công hai mặt hàng là áo jacket và hàng thun. Với chính sách mở cửa kinh tế năm 1986, cùng với quá trình hoạt động có hiệu quả, Công ty đã mở rộng quy mô sản xuất và tạo được uy tín trên thương trường quốc tế.

Qua 30 năm hình thành và phát triển, Công ty đã có một nền tảng mạnh mẽ với đội ngũ nhân viên hơn 2400 người nhiệt tình, sáng tạo và chuyên nghiệp với uy tín ngày càng được nâng cao. Công ty đặt trọng tâm vào việc liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm để hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Ngày 06 tháng 04 năm 2016 Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên Sàn UPCOM của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội mã chứng khoán là BDG.

Với tinh thần làm việc nỗ lực và sáng tạo, tập thể công ty đã tạo ra bước đột phá về tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận từ khi cổ phần hóa đến nay.

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

1989

Được thành lập vào tháng 11/1989 với tên gọi là Xí nghiệp May mặc hàng xuất khẩu, một trong những đơn vị trực thuộc của Tổng công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương

2007

Được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên May mặc Bình Dương (mô hình Hội đồng thành viên)

2015

Triển khai cổ phần hóa và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập vào ngày 14/11/2015

MỤC TIÊU NĂM 2019

Chính thức đưa nhà máy wash vào hoạt động để công ty có tính cạnh tranh cao hơn.

Phát triển khách hàng mới đặc biệt chú trọng khách hàng Châu Âu.

Củng cố hệ thống quản lý chất lượng.

Tăng cường nhiều giải pháp để nâng cao năng suất nhằm tăng thu nhập của công nhân đồng thời công ty đạt được lợi nhuận cao hơn.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chính trực

Liên chính, trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch.



Tôn trọng

Tôn trọng công ty, tôn trọng đối tác, tôn trọng đồng nghiệp. Hợp tác trong sự tôn trọng



Công bằng

Công bằng với nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan khác.



Đạo đức

Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức



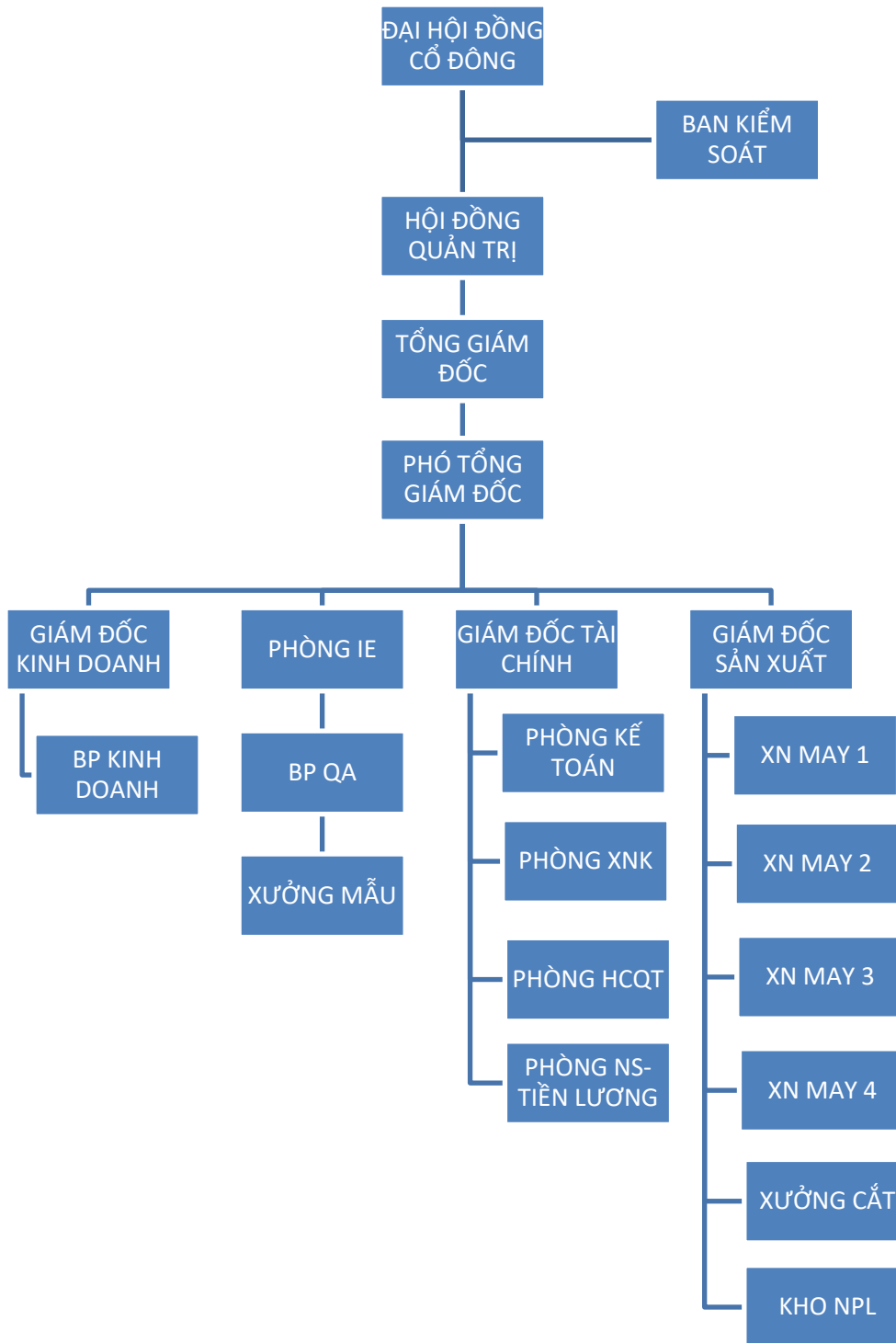
Tuân thủ

Tuân thủ luật pháp, Bộ quy tắc ứng xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty.



MÔ HÌNH TỔ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



NĂNG LỰC QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

ÔNG VÕ HỒNG CƯỜNG

- Chủ tịch HĐQT-Thành viên HĐQT không điều hành

Ngày bổ nhiệm: 14/11/2015

Thời gian bổ nhiệm: 3 năm

Tuổi: 54 tuổi

Học vấn: Trung cấp mỹ thuật – thiết kế gỗ

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Hưng Vượng



ty

BÀ PHẠM THỊ VƯỢNG

- Phó Chủ tịch HĐQT-Thành viên HĐQT không điều hành

Ngày bổ nhiệm: 14/11/2015

Thời gian bổ nhiệm: 3 năm

Tuổi: 63 tuổi

Học vấn: Cử nhân ngoại thương

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Tổng giám đốc Công ty TNHH Thương mại Việt Vương



ÔNG TRẦN NGUYỄN VŨ

- Thành viên HĐQT-Thành viên HĐQT không điều hành

Ngày bổ nhiệm: 14/11/2015

Thời gian bổ nhiệm: 3 năm

Tuổi: 42 tuổi

Học vấn: Cử nhân kinh tế

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thành viên
HĐQT Công ty cổ
phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Tổng giám đốc Tổng công ty SX-XNK Bình Dương
Công ty cổ phần



ÔNG PHAN THÀNH ĐỨC

- Thành viên HĐQT – Kiêm Tổng giám đốc Công ty

Ngày bổ nhiệm: 14/11/2015

Thời gian bổ nhiệm: 3 năm

Tuổi: 48 tuổi

Học vấn: Thạc sỹ kinh tế

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Tổng giám đốc
Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Không



BÀ NGUYỄN THỊ TRÚC THANH

- Thành viên HĐQT-Kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty

Ngày bổ nhiệm: 14/11/2015

Thời gian bổ nhiệm: 3 năm

Tuổi: 49 tuổi

Học vấn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần
May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Không



BÀ ĐOÀN THỊ KIM NGÂN

- Thư ký HĐQT

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 15/06/2017

Thời gian bổ nhiệm: 2 năm

Tuổi: 38 tuổi

Học vấn: Cử nhân

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thư ký HĐQT-Kế toán trưởng Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Không

BAN KIỂM SOÁT

ÔNG HỨA TUẤN CƯỜNG

- Trưởng BKS

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 14/11/2015

Thời gian bổ nhiệm: 3 năm

Tuổi: 40 tuổi

Học vấn: Tiến sỹ kinh tế

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Trưởng BKS-Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Giám đốc NHTMCP Sài Gòn-Công thương – CN Q7



BÀ HUỖNH THỊ MỸ HẠNH

- Thành viên BKS

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 14/11/2015

Thời gian bổ nhiệm: 3 năm

Tuổi: 48 tuổi

Học vấn: Cử nhân kinh tế

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thành viên BKS- Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH Thương mại Việt Vương.



BÀ NGUYỄN MINH THÙY

- Thành viên BKS

Ngày bổ nhiệm đầu tiên: 25/04/2017

Thời gian bổ nhiệm: 2 năm

Tuổi: 27 tuổi

Học vấn: Cử nhân kinh tế

Các chức vụ hiện tại:

Tại công ty niêm yết/đăng ký giao dịch: Thành viên BKS-Công ty cổ phần May mặc Bình Dương

Tại công ty khác: Không

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU TẠI NGÀY 07/03/2019	
			Số lượng	Tỷ lệ
A	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
2	Võ Hồng Cường	Chủ tịch HĐQT	-	-
3	Phạm Thị Vượng	Phó chủ tịch HĐQT	-	-
4	Trần Nguyên Vũ	Thành viên HĐQT	-	-
5	Phan Thành Đức	Thành viên HĐQT	62.400	0,52%
6	Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên HĐQT	292.900	2,44%
	Tổng cộng		355.300	2,96%
B	BAN ĐIỀU HÀNH			
1	Phan Thành Đức	Tổng giám đốc	Giống phần A5	
2	Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng giám đốc	Giống phần A6	
C	BAN KIỂM SOÁT			
1	Hứa Tuấn Cường	Trưởng BKS	120.000	1%
2	Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên BKS	-	-
	Tổng cộng		120.000	1%

D	Giám đốc tài chính – Kế toán trưởng – Người được ủy quyền CBTT			
1	Nguyễn Xuân Quân	Giám đốc tài chính	6.200	0,05%
2	Đoàn Thị Kim Ngân	Kế toán trưởng- Người được UQCBTT	31.000	0,25%
	Tổng cộng		37.200	0,30%
	Tổng cộng		512.500	4,27%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	TỶ LỆ ĐẠI DIỆN (%)	CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
A. Cổ đông nhà nước					
1	Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương Người đại diện	5.866.819	48,89%		-
	TỔNG CỘNG A:	5.866.819	48,89%		
B. Cổ đông lớn					
2	Công ty TNHH TM Việt Vương	4.680.000	39,00%		2.640.000
2.1	Phạm Thị Vượng	4.680.00	-	39,00%	-
3	Hứa Tuấn Cường	120.000	1,00%		
	TỔNG CỘNG B:	4.800.000	40,00%		
	TỔNG CỘNG (A+B):	9.466.819	88,89%		

TỶ LỆ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU:

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
-----	-----------	-------------------	------------------	-------------	----------------

				ĐÔNG		
				Tổ chức	Cá nhân	
1	Cổ đông nhà nước	5.866.819	48,89%	1	1	-
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	4.680.000	39,00%	1	1	-
3	Các cổ đông khác	1.453.181	12,11%	154	1	153
TỔNG CỘNG:		12.000.000	100,00%	156	3	153

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần:	12.000.000
Loại cổ phần đang lưu hành:	Phổ thông
Mệnh giá cổ phần:	VND 10.000/cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ:	0
Số lượng cổ phần đang lưu hành:	12.000.000
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	2.703.700

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2018

1.1. Về thị trường

Năm 2018 là năm ghi nhận ngành dệt may Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao nhất 17% trong giai đoạn từ 2011 đến nay, kim ngạch xuất khẩu đạt trên 36 tỷ usd tăng 5 tỷ usd so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu do sự dịch chuyển đơn hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam và sự phát triển ngày càng chuẩn mực của ngành dệt may Việt Nam về tăng trưởng xanh, tiêu thụ năng lượng xanh, sản xuất xanh nhận được sự tin tưởng của khách hàng trên toàn thế giới.

Tuy nhiên, đối với công ty, năm 2018 được đánh giá là khó khăn hơn so với năm 2017. Hai khách hàng lớn là Rock Revival và Miss Me chiếm tỷ trọng trên 50% trên tổng doanh thu lại giảm sản lượng lần lượt là 3,5% và 26% tương đương doanh thu giảm gần 3,4 triệu usd. Để bù đắp lại sự sụt giảm của 2 khách hàng FOB này, công ty phải nhận thêm hàng gia công Evolution (E3) tăng 24% so với năm trước. Xu hướng thị trường năm vừa qua là đơn hàng nhỏ lẻ, cách may khó, thời gian chuẩn bị ngắn đã ảnh hưởng nhiều đến năng suất, tiền lương và hiệu quả đơn hàng. Tuy nhiên, với sự nỗ lực rất lớn của tập thể CB.CNV, Công ty đã linh hoạt trong điều hành, sáng tạo trong tổ chức sản xuất nên đã thực hiện đạt và vượt mức chỉ tiêu năng suất, doanh thu và hiệu quả đã đề ra.

1.2. Tình hình đầu tư

a. Đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng

Để phát triển bền vững, công ty chú trọng đầu tư để nâng cao năng suất cũng như cải thiện thu nhập của người lao động. Công tác đầu tư ưu tiên phát triển theo hướng thiết bị hiện đại tự động cao, công nghệ tiên tiến. Trong năm, công ty đã mua mới 329 cái máy móc thiết bị với giá trị là 20,6 tỷ đồng trong đó phần lớn máy móc thiết bị được nhập khẩu với công nghệ của Ý, Đức, Nhật. Kết quả là đóng góp vào tăng năng suất lao động lên 4%.

Về nhà xưởng, trong năm 2018 công ty đã xây dựng và trang bị hoàn thiện để đưa vào sử dụng xưởng Mẫu và xưởng Hoàn tất tập trung cho hàng jean. Khu hoàn tất xí nghiệp 1 cũng đã được khẩn trương xây dựng và đưa vào sử dụng vào cuối năm. Tổng chi phí xây dựng và trang bị hoàn chỉnh các hệ thống làm mát, báo cháy, camera cho 3 nhà xưởng

nêu trên là 18 tỷ đồng.

Do bộ phận hoàn tất tại các xưởng may hàng jean được di dời đến Xưởng hoàn tất nên diện tích của xưởng may được mở rộng, các xưởng có diện tích để thêm chuyên và sắp xếp máy hợp lý hơn, có khu vực dành cho máy dự phòng. Xí nghiệp 2 tăng thêm 1 chuyên với số lượng CN là 36 CN tăng sản lượng là 14.000 sản phẩm/ tháng, Xí nghiệp 3 tăng thêm được 36 CN tăng sản lượng thêm 22.000 sản phẩm/tháng.

Xây dựng mới xưởng hoàn tất XN1 đã giúp mở rộng khu vực may cho XN1 và tăng thêm được 48 CN may tạo ra sản lượng trung bình 20.000 sản phẩm/tháng.

b. Đầu tư tài chính

Trong năm, Công ty đã góp vốn vào 2 công ty wash, chi tiết như sau:

- Theo tiến độ Công ty tiếp tục góp vốn đợt cuối vào Công ty cổ phần Phát triển thời trang với số vốn góp là 15 tỷ đồng nâng tổng số vốn đã góp là 30 tỷ, chiếm 30% trên tổng vốn điều lệ của công ty này. Hiện Công ty cổ phần Phát triển thời trang đang gấp rút hoàn thiện và chuẩn bị triển khai sản xuất. Dự kiến tháng 4/2019 sẽ thực hiện wash các đơn hàng cơ bản của Công ty.

- Từ năm 2003, Công ty có góp vốn vào Công ty cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương với tỷ lệ là 29,2%. Trong khoảng thời gian 15 năm qua, công ty này đã thực hiện wash các đơn hàng khó cho Công ty may, góp phần ổn định sản xuất và tạo ra lợi nhuận cho Công ty. Tuy nhiên, trong khoảng 2 năm vừa qua, tại Công ty cổ phần Gia công hoàn thiện tình hình sản xuất đi xuống do sự yếu kém về quản lý. Các cổ đông còn lại của Công ty này có mong muốn nhượng lại phần vốn góp của mình. Do đánh giá mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng của việc chậm trễ trả hàng wash cũng như chất lượng wash kém làm cho Công ty may bị trễ tiến độ xuất hàng thường xuyên. Hơn nữa trong bối cảnh các công ty wash khác chưa đủ kinh nghiệm để wash các đơn hàng khó nên Hội đồng quản trị và Ban điều hành nhận thấy cần phải mua lại phần vốn góp của các cổ đông giành quyền sở hữu để chấn chỉnh sản xuất, ổn định người lao động tại Công ty wash để tiếp tục thực hiện các đơn hàng hiện tại của Công ty may tránh việc bị bở đơn hàng thì hậu quả sẽ nghiêm trọng hơn nhiều do mất uy tín với khách hàng nước ngoài.

Việc mua lại được xúc tiến trong tháng 8/2018 với số tiền là 26 tỷ nâng tỷ lệ nắm giữ lên 99,8% và trở thành công ty con. Hiện công ty wash đã đi vào hoạt động ổn định, kinh doanh có lãi từ lúc trở thành công ty con. Dự kiến hết năm 2020, công ty may sẽ thu hồi được vốn đầu tư. Nhờ quyết định đầu tư kịp thời nên đã đáp ứng được tiến độ xuất hàng tại công ty may và góp phần thực hiện được kế hoạch doanh thu đặt ra.

1.3. Kết quả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Năm 2018, Ban lãnh đạo đã linh hoạt điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn thành các mục tiêu đề ra. Doanh thu và lợi nhuận đều vượt kế hoạch và tăng trưởng cao so với năm 2017. Kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty được tổng hòa từ nhiều yếu tố, trong đó bốn yếu tố then chốt sau là nền tảng cho sự tăng trưởng:

- Sự tin tưởng của khách hàng và nhà đầu tư;
- Chính sách tiền lương, tiền thưởng phù hợp, tạo động lực cho người lao động;
- Sự nhiệt huyết trong công việc, tinh thần lao động sáng tạo của tập thể cán bộ công nhân viên công ty;
- Các quyết định đầu tư đúng đắn của Ban lãnh đạo và Hội đồng quản trị.

Cụ thể các chỉ tiêu thực hiện của năm 2018 như sau:

- Về doanh số: thực hiện 1.432 tỷ, đạt 102% so với kế hoạch.
- Về lợi nhuận sau thuế: thực hiện 111 tỷ đồng, đạt 185% so với kế hoạch
- Về cổ tức: cổ tức bằng tiền mặt đã chi trả cho cổ đông trong năm 2018 là 4.000 đồng/cổ phiếu (bao gồm 2.500 đồng/cổ phiếu cổ tức đợt 2 của năm 2017 chi vào ngày 05/06/2018 và 1.500 đồng/cổ phiếu tạm ứng cổ tức đợt 1 chi vào ngày 09/08/2018).

Mức cổ tức của năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua là 3.000 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên kết quả kinh doanh đạt được tốt hơn kì vọng nên Hội đồng quản trị kiến nghị mức chia cổ tức năm 2018 là 5.000 đồng/cổ

phiếu, đã tạm ứng 1.500 đồng/cổ phiếu, dự kiến tháng 5/2019 sẽ chi cổ tức đợt 2 là 3.500 đồng/cổ phiếu cho các cổ đông.

1.4. Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính trong năm ổn định, nguồn vốn phục vụ các nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, nhu cầu đầu tư của Công ty được bảo đảm. Do sản xuất kinh doanh có hiệu quả nên tích lũy được tài sản tăng 66 tỷ đồng so với năm 2017, kiểm soát tốt khâu dự trữ và luân chuyển hàng tồn kho, thu hồi công nợ kịp thời không ứ đọng nên tỷ lệ nợ / tổng tài sản cải thiện hơn năm trước. Các chỉ số tài chính gồm chỉ số thanh toán, hệ số nợ được cải thiện nhiều so với năm 2017.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Tỷ lệ thanh toán hiện hành	Lần	1.43	1.37
	Tỷ lệ thanh toán nhanh	Lần	0.91	0.87
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Tỷ lệ nợ trên tổng tài sản	%	56.2	61.7
	Tỷ lệ nợ so với vốn chủ sở hữu	%	128.79	161.07
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7.21	7.81
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2.56	2.73
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	7.77	5.28

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2017
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	48.2	39.42
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	19.84	14.42
	Hệ số Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	15.27	15.70

1.5. Công tác tổ chức, nhân sự - tiền lương

- Ngay từ cuối năm trước, Ban giám đốc đã chú trọng đến vấn đề tuyển dụng để bù đắp lượng công nhân thiếu hụt sau đợt nghỉ Tết dài ngày, do đó đã điều chỉnh quy chế tuyển dụng và đào tạo công nhân mới tập trung tuyển dụng qua nguồn giới thiệu nội bộ, tăng tiền giới thiệu lao động. Cải tiến phương pháp đào tạo để rút ngắn thời gian đào tạo người lao động.

- Những năm gần đây, công ty luôn phải đối mặt với vấn đề khan hiếm công nhân do cạnh tranh gay gắt với các nhà máy tại các tỉnh thành phía Bắc cũng như miền Tây nam bộ. Vì vậy, việc trả thu nhập ổn định để giữ chân người lao động luôn được đặt lên ưu tiên hàng đầu. Trong năm 2018, công ty áp dụng chính sách lương tháng 13 và thưởng vượt doanh thu vào thu nhập hàng tháng cho người lao động để tạo điều kiện tăng thu nhập và phân phối đến người lao động một cách công bằng và hiệu quả, tạo động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động cũng như ổn định nguồn nhân lực. Theo đó, thay vì đến Tết âm lịch người lao động mới được lãnh tiền lương tháng 13, thì với chính sách này 50% tiền thưởng lương tháng 13 được chi trả hàng tháng cho người lao động, 50% còn lại được chi trả vào cuối năm. Tiền thưởng vượt doanh thu được tính vào thu nhập hàng tháng được tính trên mức vượt chỉ tiêu do Ban giám đốc đặt ra cho từng xí nghiệp. Kết quả là tiền lương và các khoản phụ cấp thực trả cho người lao động bình quân là 7,2 đến 7,5 tr/tháng

- Nhờ các chính sách luôn quan tâm và đặt người lao động lên hàng đầu với phương châm chia sẻ kịp thời hiệu quả làm ra, tình hình lao động trong năm vừa qua tương đối ổn định, số lao động đầu năm là 2.260 người, cuối năm là 2.212 người.

- Thực hiện chính sách tiền lương và phúc lợi dựa vào năng lực và hiệu quả làm việc cho từng cá nhân, từng vị trí, xem trọng đội ngũ chuyên môn cao để trả lương tương xứng. Trong năm đã áp dụng hình thức tính và trả lương cho nhiều bộ phận theo kết quả doanh thu và hiệu quả công việc. Sau gần 3 năm thực hiện sắp xếp lại công việc, tinh gọn lao động gián tiếp song hành với việc điều chỉnh lương cho từng vị trí, đến nay tỉ lệ lao động gián tiếp đã về mức phù hợp là 10%.

1.6 Công tác quan hệ cổ đông và tuân thủ theo quy định về quản trị doanh nghiệp đối với công ty đại chúng

Có thể nói sự phồn thịnh của Công ty là nhờ vào sự góp vốn của toàn thể cổ đông. Đối với cổ đông, Công ty mong muốn cung cấp thông tin một cách minh bạch và đầy đủ nhất để đảm bảo quyền lợi bình đẳng, không có sự phân biệt giữa cổ đông lớn, cổ đông chiến lược hay cổ đông thiểu số nhỏ lẻ. Tất cả cổ đông đều có quyền được cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết để đưa ra quyết định đầu tư thích hợp. Và trên hết, Công ty cam kết mang lại hiệu quả đầu tư bền vững cho cổ đông trên mức trung bình của ngành.

Các thông tin cần công bố áp dụng cho công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC đã được công bố đầy đủ trong năm vừa qua.

2. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

2.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

- Để theo sát tình hình hoạt động của công ty, HĐQT họp mỗi quý 1 lần để thông qua báo cáo của TGD về tình hình SXKD của công ty, các vấn đề mà TGD trình ra cuộc họp để lấy ý kiến từ HĐQT đều được các thành viên xem xét cẩn trọng, thảo luận kỹ lưỡng trước khi biểu quyết thông qua. Từ đó giúp cho TGD điều hành hoạt động của công ty được một cách an toàn, đảm bảo tính liên tục và thuận lợi.

- Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức theo đúng trình tự thủ tục qui định tại điều lệ công ty và luật doanh nghiệp, đảm bảo đúng theo mục tiêu Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nội dung được biểu quyết thông qua đều vì sự phát triển liên tục của công ty, vì lợi ích lâu dài của cổ đông. Đánh giá chung là hoạt động của HĐQT năm

2018 luôn trên nguyên tắc cân trọng, công bằng và khách quan.

- Trong năm 2018, Hội ĐQT đã ban hành 9 Nghị quyết như sau:

Stt	Ngày họp	Số nghị quyết	Nội dung	Số thành viên tham gia dự họp
1	17/01/2018	01A/2018/NQ-HĐQT	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch năm 2018.	05/05
2	22/03/2018	01/2018/NQ-HĐQT	Chọn ngày chốt danh sách cổ đông tham gia Đại hội đồng cổ đông năm 2018.	05/05
3	09/04/2018	02/2018/NQ-HĐQT	Thông qua nội dung làm việc tại Đại hội đồng cổ đông năm 2018.	05/05
4	09/05/2018	03/2018/NQ-HĐQT	Thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2018.	05/05
5	14/05/2018	04/2018/NQ-HĐQT	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017 cho cổ đông 2.500 đồng/cổ phiếu.	05/05
6	18/06/2018	05/2018/NQ-HĐQT	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN-CN Bình Dương.	05/05
7	03/07/2018	06/2018/NQ-HĐQT	Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Công thương VN-	05/05

			CN TP.HCM.	
8	16/07/2018	07/2018/NQ- HĐQT	Tạm ứng cổ tức bằng tiền cho cổ đông 1.500 đồng/cổ phiếu.	05/05
9	13/08/2018	08/2018/NQ- HĐQT	Đầu tư vào Công ty cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương.	05/05

2.2. Mức thù lao của Hội đồng quản trị:

Mức thù lao của Hội đồng quản trị trong năm 2018 là 2.990.000.000 đồng, thù lao của Ban kiểm soát và thư ký Công ty là 902.627.651 đồng. Tổng cộng là 3.892.627.651 đồng, bằng 3.5% lợi nhuận sau thuế đúng theo mức Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua.

3. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành trong năm 2018:

-Ban điều hành công ty bao gồm 6 thành viên TGD, PTGD, KTT, GDTC, GĐSX, PGĐKD. Các thành viên đều được TGD phân công nhiệm vụ rõ ràng, đảm bảo các mặt hoạt động của công ty đều được kiểm soát một cách toàn diện. Các thành viên đều có năng lực chuyên môn cao, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực được phân công. Từ đó phát huy cao nhất năng lực lãnh đạo của ban điều hành.

-Căn cứ vào mục tiêu kế hoạch SXKD được thông qua tại cuộc họp của HĐQT, TGD ra quyết định giao chỉ tiêu nhiệm vụ cho từng đơn vị, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong ban điều hành. Đồng thời, chỉ đạo cho các phòng chức năng rà soát điều chỉnh hoặc ban hành mới các qui định về tiền lương, tiền thưởng, các chính sách phúc lợi, qui định về kiểm soát chi phí, nâng cao hệ thống kiểm soát chất lượng vv... làm cơ sở cho việc thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD.

-Hàng tháng, ban điều hành đều tiến hành sơ kết, đánh giá kết quả về năng suất, chất lượng, các tồn tại trong quản lý cần khắc phục. Đồng thời, căn cứ vào tình hình thay đổi về đơn hàng, về tình hình lao động, hàng tháng ban điều hành rà soát để giao

chỉ tiêu SXKD cho từng xí nghiệp. Từ đó, công tác lãnh đạo của ban điều hành luôn bám sát tình hình thực tế.

-Thông qua cách thức lãnh đạo điều hành và qua cơ chế kiểm tra giám sát các báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị đánh giá rằng Tổng giám đốc và tập thể ban điều hành thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tổng giám đốc và ban điều hành đã luôn đoàn kết và nỗ lực cao để hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

II. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2019

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

1.1 Dự báo tình hình thị trường và các thách thức

Về thị trường xuất khẩu

Dự báo năm 2019 ngành dệt may sẽ chưa bùng sáng về tổng cầu do các dự báo cho thấy các nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật, Châu Âu tăng trưởng đều thấp hơn. Trong bối cảnh đó, xu thế thắt chặt dòng tiền tại các quốc gia nhập khẩu vẫn tiếp diễn. Mặt khác, ngành may còn đối diện với những tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung với diễn biến phức tạp và khó lường. Ngoài ra, Trung quốc xuất khẩu vải chiếm 53% vải thế giới, nếu Trung quốc tăng thuế mặt hàng vải thì chắc chắn Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng bởi hiện nay, Việt Nam mua gần 45% sản lượng vải từ Trung Quốc.

Về chi phí sản xuất

Áp lực tăng tiền lương cho người lao động mỗi năm để mức lương của công ty không thấp hơn mặt bằng tiền lương trong ngành và không mất người lao động trong tình thế cạnh tranh lao động ngày càng khốc liệt hiện nay là bài toán khó trong việc quản lý chi phí khi mà giá bán không có cơ hội tăng do thị trường đầu ra khó khăn. Bên cạnh đó, các quy định về mức thu nhập đóng bảo hiểm xã hội ngày càng nâng cao nên doanh nghiệp gặp khó khăn khi chi phí đóng bảo hiểm gia tăng.

Song song đó, các khoản chi phí như nguyên phụ liệu, tiền điện... dự đoán năm 2019 sẽ tăng nên gánh nặng tăng giá thành là điều khó tránh khỏi.

1.2 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Với những nhận định về thị trường xuất khẩu, mức độ gia tăng chi phí sản xuất, HĐQT đưa ra mục tiêu năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019
1	Vốn điều lệ (triệu đồng)	120.000
2	Sản lượng (chiếc). Trong đó:	
	- Somi	1.891.917
	- Jeans thời trang	1.021.307
	- Jeans cơ bản	3.153.209
3	Tổng doanh thu (triệu đồng)	1.450.000
4	Tổng chi phí (triệu đồng)	1.370.000
5	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	80.000
6	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	64.000
7	Trích lập các quỹ (đầu tư phát triển 10%, khen thưởng phúc lợi 6%, khen thưởng BĐH 2%)	11.520
8	Lợi nhuận còn lại	52.480
9	Lợi nhuận chia cổ tức (3.500 đồng/cổ phiếu)	42.000
10	Tỷ lệ cổ tức / vốn điều lệ	35%
11	Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức	10.480
12	Trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển	10.480
13	Lợi nhuận còn lại	0

► Thuyết minh về kế hoạch lợi nhuận

- Doanh thu năm 2019 tương đương năm 2018: do những nhận định về thị trường chưa thuận lợi nên công ty chỉ đưa ra mức tăng trưởng sản lượng từ 3-4% và doanh thu bằng năm 2018 do có tính đến yếu tố phải giảm giá để cạnh tranh đơn hàng.

- Lợi nhuận trước thuế giảm 60 tỷ tương ứng giảm 43% : do lương tối thiểu vùng tăng theo quyết định của Chính phủ kéo theo Công ty phải điều chỉnh tăng đơn giá lương sản phẩm, tăng lương khu vực gián tiếp, tăng chi phí đóng bảo hiểm xã hội và để đảm bảo sức khỏe cho người lao động, công ty tăng tiền ăn giữa ca. Ngoài ra các chi phí sản xuất khác cũng có xu hướng tăng như: điện, nhiên liệu, vận chuyển vv... Dự báo chi phí sản

xuất sẽ gia tăng từ 4-5%.

2. Định hướng của Hội đồng quản trị năm 2019

a. Về thị trường – khách hàng

- Giữ mối quan hệ tốt với khách hàng truyền thống, phát triển sản phẩm mới của khách hàng truyền thống, phát triển khách hàng mới, chú trọng phát triển tốt dịch vụ cho khách hàng như rút ngắn thời hạn làm mẫu và chào giá, rút ngắn thời hạn giao hàng, phát triển nguyên phụ liệu thay thế nhập khẩu.

- Tận dụng lợi thế phát triển mẫu của nhà máy wash mới để đẩy mạnh hoạt động marketing, xem đây là khâu cần đột phá và đẩy mạnh, chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự marketing có đủ tầm, có kỹ năng và nghiệp vụ giỏi trong lĩnh vực trên, am hiểu quy trình công nghệ sản xuất, linh hoạt, có khả năng đàm phán với khách hàng để từng bước mở rộng thị trường. Chú trọng công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá và dự báo về thị trường, hạn chế rủi ro, đảm bảo phát triển bền vững.

b. Về đầu tư, công tác tài chính, quản trị sản xuất

- Trong năm 2018, công ty đã hoàn thành việc góp vốn đầu tư vào 2 công ty wash là Công ty cổ phần Protrade Laundry và Công ty cổ phần Phát triển Thời trang. Tỷ lệ nắm giữ tại Công ty cổ phần Protrade Laundry là 99,8% và 30% tại Công ty cổ phần Phát triển Thời trang. Hiện tại, Công ty cổ phần Protrade Laundry đã hoạt động ổn định và bước đầu tạo được lợi nhuận, dự kiến đến hết năm 2020 Công ty may sẽ thu hồi đầy đủ vốn đầu tư và các khoản nợ vay tại Công ty con này.

Đối với công ty cổ phần Phát triển Thời trang, công ty này đang tích cực hoàn thiện việc xây dựng nhà xưởng, phối hợp với Công ty may và Công ty cổ phần Protrade Laundry để đào tạo đội ngũ kỹ thuật và công nhân về kinh nghiệm wash, phát triển nhóm làm mẫu ưu tiên hàng có độ dễ và đơn giản trong thời gian đầu và tăng dần độ khó theo thời gian. Dự kiến tháng 04 năm 2019, công ty liên kết này sẽ thực hiện wash các đơn hàng jean cơ bản.

- Xây dựng nhà làm việc cho khách hàng Rock và Miss Me kề bên Xưởng mẫu tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho khách hàng trong những lần khách đến Công ty để phát triển mẫu, xây dựng nhà kho phụ liệu và sửa chữa cải tạo hạng mục nhà vệ sinh tại các xí

nghiệp.

- Đầu tư một số máy móc thiết bị thay thế cho các máy móc thiết bị đã hết thời hạn sử dụng, không đáp ứng được nhu cầu tăng năng suất tại các xí nghiệp. Tổng kinh phí dự kiến đầu tư máy móc thiết bị gần 10 tỷ đồng.
- Hoàn thiện chương trình Rosy để đáp ứng các yêu cầu của bộ phận Kinh doanh và tiến tới các yêu cầu cao hơn về quản trị để kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng nguyên phụ liệu.
- Tăng cường hệ thống kiểm soát chi phí nhằm kiểm soát tốt nhất toàn bộ chi phí hoạt động phát sinh. Trong đó, chú trọng công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhất là trong kiểm soát định mức mua và tiêu hao nguyên phụ liệu, cân đối lượng tồn kho hợp lý để tiết kiệm lãi vay, kiểm soát thời gian làm việc và định mức lao động để tiết kiệm chi phí tăng giờ tăng ngày.
- Củng cố liên tục hệ thống kiểm soát chất lượng để đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của khách hàng, đồng hành cùng khách hàng vượt qua khó khăn của thị trường và đây cũng là một giải pháp hữu hiệu để tăng năng suất và cắt giảm được thời gian lãng phí phải sửa hàng.
- Phát huy hiệu quả trong công tác cải tiến kỹ thuật, rút ngắn định mức về hao phí thời gian chế tạo sản phẩm (SMV) để nâng định mức sản lượng đầu ra.

c. Về nhân sự, tiền lương

- Ổn định lao động là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng, giữ tỷ lệ cân đối giữa lao động trực tiếp và lao động gián tiếp, đào tạo nâng cao trình độ quản lý cho quản lý cấp trung như Tổ trưởng, Chuyên trưởng, Trưởng bộ phận.
- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện các chính sách tiền lương, tiền thưởng khuyến khích người lao động tích cực làm việc, tích cực nghiên cứu để sáng tạo cải tiến trong sản xuất và trong quản lý.
- Tiếp tục duy trì và phát huy mạnh mẽ các nét đẹp văn hóa đã trở thành truyền thống quý báu của công ty đó là tinh thần đoàn kết trên dưới một lòng, tính trung thực, đạo đức trong sản xuất kinh doanh, sự chân thành cởi mở giúp đỡ lẫn nhau, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh

thần trách nhiệm trong công việc. Đây là một nhân tố quan trọng để xây dựng nền tảng vững chắc cho công ty phát triển hiệu quả và bền vững.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm Soát (BKS) bao gồm 3 thành viên trong đó có 2 thành viên độc lập, với tư cách là đại diện cổ đông thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị những thay đổi cần thiết trong các lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp tại công ty. Trong năm 2018, hoạt động của BKS bao gồm:

- ✚ Giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 và hoạt động của HĐQT.
- ✚ Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2018.

III. Giám sát hoạt động của HĐQT và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018:

- BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, nắm bắt tình hình thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu đã được phê duyệt vào ĐHĐCĐ năm 2018.
- Các vấn đề trọng tâm được bàn bạc trong các cuộc họp HĐQT bao gồm:
 - Cập nhật tình hình kết quả sản xuất - xuất hàng và kế hoạch hàng hóa; tình hình thị trường và khách hàng.
 - Tình hình nhân sự và tiền lương trong kỳ, các chính sách liên quan đến người lao động như tiền lương, tiền lương tháng 13, tuyển dụng và chính sách đào tạo.
 - Tình hình thanh lý, bảo dưỡng, sử dụng và mua sắm máy móc, thiết bị;
 - Tình hình sửa chữa, xây dựng mở rộng nhà xưởng;
 - Đánh giá hiệu quả đầu tư vào Công ty cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương, nâng tỷ lệ sở hữu lên 99,8%.
 - Mức tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt
- HĐQT và Ban điều hành đã tổ chức thực hiện, điều hành hoạt động kinh doanh theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong Điều lệ Công ty.
- Các ý kiến đóng góp của BKS với tư cách giám sát viên và đại diện cho nhà đầu tư đều được tôn trọng và cân nhắc trong các quyết định của HĐQT.

IV. Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2018:

- Trong năm, BKS đã tiến hành phân tích báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo soát xét 6 tháng và các số liệu do Ban điều hành trình bày tại các cuộc họp HĐQT.

- Kiểm tra báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC kiểm toán bao gồm báo cáo riêng của Công ty mẹ và báo cáo hợp nhất. Các hoạt động của Công ty rõ ràng, minh bạch, không phát hiện những vi phạm nghiêm trọng nào về kế toán, tài chính và quy trình hoạt động.

- Về chỉ tiêu tài chính, trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, ban lãnh đạo Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch được ĐHĐCĐ năm 2018 thông qua, một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Doanh thu thuần đạt được trong kỳ là 1.432 tỷ đồng, đạt được 102% so với kế hoạch năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm 97% trên tổng doanh thu với kim ngạch là 60,3 triệu usd, doanh thu nội địa chiếm 3%.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN là 140 tỷ đồng, đạt 187% chỉ tiêu kế hoạch 2018.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 111 tỷ đồng đạt 185% chỉ tiêu kế hoạch 2018, tỷ suất sinh lời trên nguồn vốn góp chủ sở hữu bình quân (ROE) là 92,5%.
- Tình hình công nợ đến ngày 31/12/2018 là:
 - ✓ Công nợ phải thu 149 tỷ, giảm 23 tỷ so với năm trước, số ngày thu hồi công nợ phải thu trung bình là 48 ngày, chậm so với năm trước 3 ngày.
 - ✓ Công nợ phải trả người bán là 110 tỷ, nợ vay ngân hàng là 124 tỷ. Nợ vay ngân hàng tăng 36 tỷ so với số dư cuối kỳ năm trước do tăng tiền gửi tiết kiệm để hưởng lợi nhuận chênh lệch giữa lãi suất tiền gửi tiết kiệm và lãi suất ưu đãi tiền vay. Cụ thể, tiết kiệm năm nay là 89 tỷ tăng 64 tỷ so với cùng kỳ. Tỷ lệ tự tài trợ tăng lên từ 38,3% lên 43,71% do lợi nhuận đạt được trong kỳ cao.
- Các khoản tạm ứng bảo đảm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, việc đối chiếu được thực hiện hàng quý.

- Trong năm 2018 Công ty đã đầu tư thêm 15 tỷ đồng góp vốn vào Công ty CP Phát triển Thời trang nâng tổng số vốn góp lên là 30 tỷ đồng với tỷ lệ góp vốn ban đầu là 30% nhằm thuận lợi hơn trong việc sản xuất các đơn hàng đòi hỏi công nghệ wash cao. Dự kiến đầu năm 2019 nhà máy wash chính thức vận hành các đơn hàng test và các mã hàng đơn giản, tương lai 3 năm nữa sẽ wash được các mã hàng thời trang phức tạp của nhãn hàng Rock

và Miss Me, góp phần tự chủ trong việc sản xuất của công ty may và nâng cao vị thế công ty trong việc tìm kiếm các khách hàng mới.

- Đồng thời, trong năm Công ty đã mua lại phần vốn góp tại Công ty cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương (Protrade Laundry) nâng tổng sở hữu lên 99,79% để ổn định sản xuất trong giai đoạn chờ nhà máy wash mới hoàn thiện và có kinh nghiệm wash hàng thời trang phức tạp. Kể từ thời điểm trở thành công ty con là tháng 8/2018 cho đến hết năm, Công ty Protrade Laundry có lợi nhuận trước thuế TNDN là 2,7 tỷ đồng.

V. Phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT và Ban TGD:

Ban kiểm soát với tư cách là đại diện cổ đông đã được Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, tiếp tục công tác giám sát, kiểm tra hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát được tiếp cận đầy đủ các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, đã tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong một số trường hợp, phạm vi lĩnh vực có liên quan.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính, nhân sự,... của Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, thực hiện nghiêm túc Điều lệ và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường liên quan đến hoạt động của Công ty đều được Tổng giám đốc và Ban điều hành báo cáo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nắm rõ tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

VI. Thù lao của Ban Kiểm Soát:

Mức thù lao của Hội đồng quản trị trong năm 2018 là 2.990.000.000 đồng, của Ban kiểm soát và thư ký Công ty là 902.627.651 đồng. Tổng cộng là 3.892.627.651 đồng, bằng 3.5% lợi nhuận sau thuế đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua.

VII. Kiến nghị của Ban Kiểm Soát:

1. Sớm đưa nhà máy Công ty CP Phát triển Thời trang vào vận hành, bảo đảm hiệu quả đầu tư vốn.

2. Báo cáo kế hoạch, phương án kinh doanh của Công ty CP Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương và Công ty CP Phát triển Thời trang trong ĐHCĐ 2020.

3. Thành lập Ban/Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và các công ty con, thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm 2019.

4. Thành lập Phòng Quản trị rủi ro trực thuộc BĐH để tăng cường và quy chuẩn hoá công tác nhận diện, đánh giá và quản trị rủi ro trên toàn hệ thống.

VIII. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2019:

1. Ban Kiểm Soát tham dự các cuộc họp do HĐQT tổ chức, theo dõi công tác triển khai thực hiện của HĐQT và Ban TGD, theo dõi việc lập kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện của Phòng Kế toán công ty.

2. Tổ chức các đợt kiểm tra các nội dung: Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tình hình hoạt động SXKD trong kỳ, kiểm tra tính tuân thủ quy trình kế toán, tính minh bạch trong các giao dịch đầu tư tài sản và chi phí hoạt động, các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện và việc giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV may mặc Bình dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 1 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất quần áo may sẵn.

Công ty có trụ sở chính tại số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
Ông Võ Hồng Cường	Chủ tịch	Ngày 14/11/2015
Bà Phạm Thị Vượng	Phó chủ tịch	Ngày 14/11/2015
Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên	Ngày 14/11/2015
Ông Phan Thành Đức	Thành viên	Ngày 14/11/2015
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên	Ngày 14/11/2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng ban	Ngày 14/11/2015
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	Ngày 14/11/2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban tổng giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
Ông Phan Thành Đức	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/12/2015
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/12/2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Phan Thành Đức, Tổng giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Hồng Cường	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Vượng	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thành Đức	Thành viên
Ông Trần Nguyên Vũ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thành Đức	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng ban
Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Thùy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Thành Đức

Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 11 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương được lập ngày 09 tháng 03 năm 2019, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Ngô Minh Quý
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2019


Nguyễn Thái
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1623-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		477,121,729,120	445,963,425,849
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	77,053,036,773	28,943,925,428
111	1. Tiền		40,298,036,773	11,943,925,428
112	2. Các khoản tương đương tiền		36,755,000,000	17,000,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	52,372,500,000	8,000,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		52,372,500,000	8,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		156,614,006,442	227,656,635,812
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	149,049,356,012	172,078,859,079
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	4,012,621,669	5,519,879,772
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	6,000,000,000	45,517,707,014
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	9,028,746,586	4,597,494,388
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11,476,717,825)	(57,304,441)
140	IV. Hàng tồn kho	10	174,743,287,896	161,896,278,842
141	1. Hàng tồn kho		174,743,287,896	161,896,278,842
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16,338,898,009	19,466,585,767
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1,522,263,975	514,618,051
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14,813,076,034	18,951,967,716
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	3,558,000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		116,236,207,138	81,697,823,096
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10,610,609,825	5,671,265,000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	07	10,610,609,825	5,671,265,000
220	II. Tài sản cố định		71,253,722,549	55,741,698,487
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	70,644,950,599	55,688,698,565
222	- Nguyên giá		239,954,558,974	214,078,422,223
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(169,309,608,375)	(158,389,723,658)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	608,771,950	52,999,922
228	- Nguyên giá		7,101,021,711	6,518,749,711
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6,492,249,761)	(6,465,749,789)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	335,520,500
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	335,520,500
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	29,428,225,282	15,410,662,540

Mã	TÀI SẢN	Thuyết	31/12/2018	01/01/2018
251	1. Đầu tư vào công ty con		15,332,012,510	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		30,000,000,000	19,055,037,967
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(15,903,787,228)	(3,644,375,427)
	Tài sản dài hạn			
260	VI. khác		4,943,649,482	4,538,676,569
	Chi phí trả trước dài hạn			
261	1. hạn	13	4,923,649,482	4,518,676,569
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.a	20,000,000	20,000,000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		593,357,936,258	527,661,248,945

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		334,007,660,016	325,546,853,762
310	I. Nợ ngắn hạn		334,007,660,016	325,546,853,762
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	110,833,181,567	105,468,868,384
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	97,669,383
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	13,556,339,039	5,323,869,649
314	4. Phải trả người lao động		78,603,077,419	111,210,177,890
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	447,891,452	162,983,182
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	522,369,976	10,464,099,919
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	124,356,335,765	88,117,456,407
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5,688,464,798	4,701,728,948
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		259,350,276,242	202,114,395,183
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	259,350,276,242	202,114,395,183
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		120,000,000,000	120,000,000,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>120,000,000,000</i>	<i>120,000,000,000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		130,334,259	130,334,259
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		27,803,092,027	7,341,331,348
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		111,416,849,956	74,642,729,576
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>18,198,917,057</i>	<i>18,198,917,057</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>93,217,932,899</i>	<i>56,443,812,519</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		593,357,936,258	527,661,248,945

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1,459,302,519,413	1,409,681,845,402
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	27,036,546,763	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,432,265,972,650	1,409,681,845,402
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1,213,579,528,646	1,188,353,895,992
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		218,686,444,004	221,327,949,410
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	17,535,120,044	12,665,693,596
22	7. Chi phí tài chính	25	27,548,406,171	12,818,359,910
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>4,373,156,989</i>	<i>3,744,627,959</i>
25	8. Chi phí bán hàng	26	18,309,546,314	40,510,140,778
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	68,348,387,810	96,392,011,358
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		122,015,223,753	84,273,130,960
31	11. Thu nhập khác	28	20,843,441,065	9,540,598,118
32	12. Chi phí khác	29	2,845,537,730	113,102,540
40	13. Lợi nhuận khác		17,997,903,335	9,427,495,578
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		140,013,127,088	93,700,626,538
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	28,795,194,189	19,309,004,552
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31.b	-	(52,190,533)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		111,217,932,899	74,443,812,519

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		140,013,127,088	93,700,626,538
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		12,530,634,085	11,093,116,689
03	- Các khoản dự phòng		23,678,825,185	3,701,679,868
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		181,280,388	155,593,760
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4,733,467,863)	(6,757,161,104)
06	- Chi phí lãi vay		4,373,156,989	3,744,627,959
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		176,043,555,872	105,638,483,710
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		25,620,520,408	(94,489,912,550)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(12,847,009,054)	(19,319,659,788)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(28,729,317,295)	83,905,543,050
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1,412,618,837)	2,145,627,764
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4,108,248,719)	(3,870,383,132)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20,148,945,290)	(16,521,017,631)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4,966,460,731)	(4,247,978,474)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		129,451,476,354	53,240,702,949
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(28,272,319,731)	(9,997,221,444)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		257,552,730	968,451,189
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(103,352,640,015)	(46,671,265,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		93,558,502,204	44,733,638,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(26,276,974,543)	(15,000,000,000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2,988,414,426	7,429,288,167
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(61,097,464,929)	(18,537,109,088)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			

33	1.	Tiền thu từ đi vay		1,185,936,080,759	1,062,767,765,496
34	2.	Tiền trả nợ gốc vay		(1,149,279,839,288)	(1,163,429,694,266)
36	3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(56,813,528,500)	(33,381,305,075)
40		<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(20,157,287,029)</i>	<i>(134,043,233,845)</i>
50		Lưu chuyển tiền thuần trong năm		48,196,724,396	(99,339,639,984)
60		Tiền và tương đương tiền đầu năm		28,943,925,428	128,277,807,524
61		Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(87,613,051)	5,757,888
70		Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	77,053,036,773	28,943,925,428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2018

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương (tên tiếng Anh: Protrade Garment Joint Stock Company, tên viết tắt: Protrade Garment JSC) được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV May mặc Bình Dương theo Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 21/08/2015 của UBND tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3700769438 ngày 01 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 7/128, Khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất quần áo may sẵn;
- Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo (cổ tròn đàng ten, thêu ren, thắt lưng);
- Mua bán hàng may thêu;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành may mặc;
- Kinh doanh dịch vụ wash (không hoạt động tại trụ sở);

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Năm nay, Công ty đảm bảo được tiến độ giao hàng cho đối tác nên vận chuyển bằng đường thủy thay vì phải vận chuyển bằng đường hàng không như năm 2017. Chính điều này làm chi phí vận chuyển năm 2018 giảm mạnh so với năm 2017, dẫn tới kết quả hoạt động kinh doanh năm nay tăng so với năm trước.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: căn cứ vào **Báo cáo tài chính** của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được **Đại hội đồng cổ đông phê duyệt** và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai (do việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu đi thị trường nước ngoài, do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	145,872,330	543,351,706
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40,152,164,443	11,400,573,722
Các khoản tương đương tiền	36,755,000,000	17,000,000,000
	77,053,036,773	28,943,925,428

Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng có giá trị 36.755.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với lãi suất 5,5 %/năm.

Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền có giá trị 2 tỷ VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 18).

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

31/12/2018		01/01/2018	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng

Đầu tư ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn	52,372,500,000	-	8,000,000,000	-
	0			
	52,372,500,000	-	8,000,000,000	-
	0			

Tại ngày 31/12/2018, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 13 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với lãi suất 5,1% - 6,8%/năm.

Tại ngày 31/12/2018, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 41 tỷ đồng đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng. (Xem chi tiết tại thuyết minh số 17)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	15,332,012,510	(15,332,012,510)	-	-
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry ⁽¹⁾	15,332,012,510	(15,332,012,510)	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	30,000,000,000	(571,774,718)	19,055,037,967	(3,644,375,427)
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang ⁽²⁾	30,000,000,000	(571,774,718)	15,000,000,000	-
- Công ty Cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương (nay là Công ty Cổ phần Protrade Laundry)	-	-	4,055,037,967	(3,644,375,427)
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Y phục Doanh nhân ⁽³⁾	-	-	-	-
	45,332,012,510	(15,903,787,228)	19,055,037,967	(3,644,375,427)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

- Trong năm, Công ty đã có các giao dịch mua cổ phần của Công ty Cổ phần Protrade Laundry, tiền thân là công ty Cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương như sau:
 - Giao dịch mua 686.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Protrade Laundry từ các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 6.860.000.000 đồng, giá phí 11.276.974.543 đồng. Sau các giao dịch này, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty tại Công ty Cổ phần Protrade Laundry tăng từ 29,8% lên 99,8%.
 - Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2018, Công ty đang sở hữu 978.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Protrade Laundry, tương đương tổng mệnh giá 9.780.000.000 đồng, giá phí đầu tư của số cổ phần này là 15.332.012.510 đồng.
- Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào công ty liên kết: Công ty góp bổ sung vốn điều lệ theo cam kết.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry	Bình Dương	99.80%	99.80%	May mặc

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2018 như sau:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Phát triển Thời trang	Bình Dương	30.93%	30.00%	Wash

Tính đến ngày 31/12/2018, Công ty đã góp vốn đủ theo cam kết với số tiền 30 tỷ VND, các cổ đông khác chưa góp vốn đủ dẫn đến tỷ lệ lợi ích của Công ty là 30,93%, tỷ lệ quyền biểu quyết là 30%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: Xem Thuyết minh 36.

Đầu tư vào đơn vị khác

(3) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân có giá trị bằng 0 VND do Công ty đang ghi nhận giá trị của khoản đầu tư này theo giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa. Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Y Phục Doanh nhân tại ngày 31/12/2018 là 13,19%. Tại thời điểm 31/12/2018, Công ty này vẫn đang tạm ngưng hoạt động và có số lỗ lũy kế đã vượt giá trị vốn chủ sở hữu.

PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN

5 . HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Rerv Inc Db Rock Revival	78.878.145.716	-	78.825.280.774	-
Olymp Bezner Kg Hopfighemer	22.445.607.917	-	28.609.014.511	-
Sweet People Apparel, Inc Db Miss Me	18.549.984.275	-	31.176.814.666	-
Evolution 3 Limited	16.289.958.323	-	12.599.487.692	-
Pacific Sunwear Of California, Inc	3.382.226.435	-	6.181.793.067	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.503.433.346	-	14.686.468.369	-
	149.049.356.012	-	172.078.859.079	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Juki Singapore Pte Ltd	2.637.204.600	-	1.582.495.200	-
KG Demin Limited	431.546.675	-	-	-
Công ty TNHH An Phát	-	-	807.278.252	-
Công ty TNHH cơ khí XD-TM Phát Lộc	-	-	1.231.798.000	-
Công ty TNHH TM DV XNK Mỹ Tường	-	-	300.000.000	-
Công ty CP XD-TM-DV Điện Lực	-	-	325.600.000	-
Công ty TNHH DV DL Bạch Đằng	-	-	388.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	943.870.394	-	884.708.320	-
	4.012.621.669	-	5.519.879.772	-

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tổng Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	-	-	45.517.707.014	-
Công ty Cổ phần Protrade Laundry ⁽³⁾	6.000.000.000	(6.000.000.000)	-	-
	6.000.000.000	(6.000.000.000)	45.517.707.014	-
b) Dài hạn				
Công ty TNHH TM DV XNK Mỹ Tường ⁽¹⁾	3.145.484.000	-	3.144.500.000	-

Công ty TNHH May Mặc Tuấn Tiến ⁽²⁾	1.988.408.000	-	2.526.765.000	-
Công ty Cổ phần Protrade Laundry ⁽³⁾	5.476.717.825	(5.476.717.825)	-	-
	10.610.609.825	(5.476.717.825)	5.671.265.000	-
c) Phải thu về cho vay các bên liên quan	11.476.717.825	-	45.517.707.014	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay dài hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 02/2017 ngày 26/10/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 3.500.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mới dây chuyền máy móc, trang thiết bị công nghệ phục vụ cho công việc, dịch vụ "wash" hàng may mặc của Công ty CP May Mặc Bình Dương;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 48 tháng tính từ ngày ngày ngân đợt 01 - kể từ ngày 01/11/2017;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng bằng đồng Việt Nam bình quân trong năm của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP HCM của loại tiền gửi có kỳ hạn 1 năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.145.484.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay dài hạn (tiếp theo):

- (2) Hợp đồng cho vay số 01/2017 ngày 03/08/2017, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức cho vay: 3.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mới dây chuyền máy móc, trang thiết bị công nghệ phục vụ cho công việc, dịch vụ "wash" hàng may mặc của Công ty CP May Mặc Bình Dương;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 36 tháng tính từ ngày ngày ngân đợt 01 - kể từ ngày 09/08/2017;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng bằng đồng Việt Nam bình quân trong năm của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP HCM của loại tiền gửi có kỳ hạn 1 năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.988.408.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

- (3) Gồm 3 hợp đồng cho vay số: 01/HĐVV ngày 08/08/2018; 02/HĐVV ngày 23/08/2018 và 03/HĐVV ngày 20/11/2018, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay: 12.000.000.000 VND mỗi hợp đồng có hạn mức 4.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: Tính từ ngày giải ngân đến 31/12/2020;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 1 năm bình quân trong năm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN TP.HCM;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 11.476.717.825 VND, số nợ gốc phải thu trong vòng 12 tháng tới là 6.000.000.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Tại ngày 31/12/2018, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Protrade Laundry vẫn bị lỗ quá vốn chủ sở hữu, khả năng thanh toán các khoản nợ còn khó khăn nên Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với toàn bộ số dư phải thu về cho vay đối với Công ty này.

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.358.986.618	-	306.303.827	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	3.716.465.052	-	2.693.704.370	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	150.277.823	-	139.325.468	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	100.185.215	-	92.883.645	-
Tạm ứng	2.295.320.384	-	871.774.943	-
Phải thu về chi hộ tiền du lịch	389.660.486	-	381.327.400	-
Phải thu khác	17.851.008	-	112.174.735	(57.304.441)
	9.028.746.586	-	4.597.494.388	(57.304.441)
b) Phải thu khác là các bên liên quan	1.142.880.575	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)

9 . NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry	11.476.717.825	-	-	-
- Ông Đoàn Trường Khánh	-	-	57.304.441	-
	11.476.717.825	-	57.304.441	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.168.291.254	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	89.296.541.487	-	80.049.572.307	-
Công cụ, dụng cụ	395.903.985	-	145.337.368	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	81.154.944.317	-	76.887.381.197	-
Thành phẩm	727.606.853	-	4.813.987.970	-
	174.743.287.896	-	161.896.278.842	-

Trong đó:

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay trả tại thời điểm cuối năm: 174.743.287.896 đồng.

TÀI SẢN CÓ

1 . ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	50.365.293.610	139.634.953.848	13.369.308.344	10.708.866.421	214.078.422.223
- Mua trong năm	-	17.819.556.023	125.510.000	1.317.742.699	19.262.808.722
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.615.219.509	-	1.147.540.000	-	8.762.759.509

- Thanh lý, nhượng bán	(613.920.550)	(1.188.628.040)	(95.000.000)	(251.882.890)	(2.149.431.480)
Số dư cuối năm	57.366.592.569	156.265.881.831	14.547.358.344	11.774.726.230	239.954.558.974
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	35.323.831.295	107.461.298.122	8.335.471.123	7.269.123.118	158.389.723.658
- Khấu hao trong năm	2.875.278.404	7.627.152.934	1.083.731.763	917.971.012	12.504.134.113
- Thanh lý, nhượng bán	(323.774.005)	(1.003.461.821)	(36.614.596)	(220.398.974)	(1.584.249.396)
Số dư cuối năm	37.875.335.694	114.084.989.235	9.382.588.290	7.966.695.156	169.309.608.375
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	15.041.462.315	32.173.655.726	5.033.837.221	3.439.743.303	55.688.698.565
Tại ngày cuối năm	19.491.256.875	42.180.892.596	5.164.770.054	3.808.031.074	70.644.950.599

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.395.148.852 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.013.576.882 đồng.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	530.000.000	5.988.749.711	6.518.749.711
- Mua trong năm	-	582.272.000	582.272.000
Số dư cuối năm	530.000.000	6.571.021.711	7.101.021.711
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	477.000.078	5.988.749.711	6.465.749.789
- Khấu hao trong năm	26.499.972	-	26.499.972
Số dư cuối năm	503.500.050	5.988.749.711	6.492.249.761
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	52.999.922	-	52.999.922
Tại ngày cuối năm	26.499.950	582.272.000	608.771.950

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm hàng nhập khẩu	-	2.799.394
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.522.263.975	456.992.796

Phí bảo hiểm cháy nổ	-	54.825.861
	1.522.263.975	514.618.051

b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.923.649.482	2.416.056.569
Thẻ hội viên sân Golf	-	2.102.620.000
	4.923.649.482	4.518.676.569

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	nợ
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Olymp Bezner Kg Hopfighemer	23.169.140.481	23.169.140.481	5.380.127.418	5.380.127.418
Gold Mark Development Ltd	10.449.849.877	10.449.849.877	13.602.686.641	13.602.686.641
Phải trả các đối tượng khác	77.214.191.209	77.214.191.209	86.486.054.325	86.486.054.325
	110.833.181.567	110.833.181.567	105.468.868.384	105.468.868.384
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	5.870.713.416	5.870.713.416	13.168.715.833	13.168.715.833

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.793.547.882	2.793.547.882	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	1.003.616.633	1.003.616.633	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.881.234.881	28.824.049.448	20.148.945.290	-	13.556.339.039
Thuế Thu nhập cá nhân	442.634.768	3.327.971.186	3.774.163.954	3.558.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	685.267.723	685.267.723	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	197.850.060	197.850.060	-	-

5.323.869.649	36.832.302.932	28.603.391.542	3.558.000	13.556.339.039
----------------------	-----------------------	-----------------------	------------------	-----------------------

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CHI PHÍ PHẢI TRẢ

16 . NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	327.891.452	62.983.182
- Chi phí phải trả khác	120.000.000	100.000.000
	447.891.452	162.983.182

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	342.140.605	151.978.886
- Bảo hiểm y tế	172.385.691	137.415.180
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	8.813.528.500
- Phải nộp cho Tổng Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP tiền Kinh phí công đoàn	-	1.237.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.843.680	124.177.353
	522.369.976	10.464.099.919
b) Phải trả khác là các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 36)	-	10.037.228.500

18 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tp.Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	52.713.213.793	52.713.213.793	675.686.730.376	717.125.444.617	11.274.499.552	11.274.499.552
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển	25.674.254.000	25.674.254.000	483.249.350.383	395.841.768.170	113.081.836.213	113.081.836.213

Việt Nam -
Chi nhánh
Bình Dương ⁽²⁾

- Ngân hàng TNHH MTV Standard Charterd	9.729.988.614	9.729.988.614	-	9.729.988 .614	-	-
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	-	-	27.000.0 00.000	27.000.00 0.000	-	-
	88.117.456.407	88.117.456.407	1.185.93 6.080.75 9	1.149.697 .201.401	124.356.335.765	124.356.335.765

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 18.3570043/2018-HĐCVHHM/NHCT900- MMBD ngày 13/07/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 300 tỷ VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết 03/07/2019;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 485.384 USD tương đương 11.274.499.552 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2018/4675359/HĐTD ngày 18/06/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 300 tỷ VND;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, chiết khấu bộ chứng từ, bảo lãnh, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày cấp tín dụng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.865.827,72 USD tương đương 113.081.836.213 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cầm cố khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng và hàng tồn kho của Công ty.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	130.334.259	-	55.413.313.484	175.543.647.743
Lãi trong năm trước	-	-	-	74.443.812.519	74.443.812.519
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.873.065.079)	(5.873.065.079)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.341.331.348	(7.341.331.348)	-
Chia cổ tức 2016	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Chia cổ tức đợt 1 năm 2017	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	130.334.259	7.341.331.348	74.642.729.576	202.114.395.183
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	130.334.259	7.341.331.348	74.642.729.576	202.114.395.183
Lãi trong năm nay	-	-	-	111.217.932.899	111.217.932.899
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi ⁽¹⁾	-	-	-	(4.464.897.436)	(4.464.897.436)
Trích Quỹ đầu tư phát triển ⁽¹⁾	-	-	20.461.760.679	(20.461.760.679)	-
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành ⁽¹⁾	-	-	-	(1.488.299.145)	(1.488.299.145)
Chia cổ tức đợt 2 năm 2017 ⁽¹⁾	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2018 ⁽²⁾	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Điều chỉnh thuế TNDN bổ sung 2017	-	-	-	(28.855.259)	(28.855.259)
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	130.334.259	27.803.092.027	111.416.849.956	259.350.276.242

(1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 số 01/NQ-HĐCĐ-2018 ngày 11 tháng 05 năm 2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00	74.443.812.519
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	6,00	4.464.897.436
Trích Quỹ đầu tư phát triển	27,49	20.461.760.679
Trích Quỹ khen thưởng ban điều hành	2,00	1.488.299.145
Điều chỉnh thuế TNDN bổ sung 2017	0,04	28.855.259
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 4.000 đồng)	64,48	48.000.000.000
- Đã tạm ứng cổ tức năm 2017	24,18	18.000.000.000
- Chi trả cổ tức trong năm nay	40,30	30.000.000.000

(2) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 07/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 07 năm 2018, Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 là 15% mệnh giá, tương đương mỗi cổ phần nhận được 1.500 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	48,89	58.668.190.000	48,89	58.668.190.000
- Công ty TNHH Thương mại Việt Vương	30,00	36.000.000.000	30,00	36.000.000.000
- Ông Hứa Tuấn Cường	10,00	12.000.000.000	10,00	12.000.000.000
- Cổ đông khác	11,11	13.331.810.000	11,11	13.331.810.000
	100	120.000.000.000	100	120.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.000.000.000	120.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>120.000.000.000</i>	<i>120.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>120.000.000.000</i>	<i>120.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>8.813.528.500</i>	<i>194.833.575</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>48.000.000.000</i>	<i>42.000.000.000</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	30.000.000.000	24.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	18.000.000.000	18.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(56.813.528.500)</i>	<i>(33.381.305.075)</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	<i>(38.813.528.500)</i>	<i>(24.000.000.000)</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	<i>(18.000.000.000)</i>	<i>(9.381.305.075)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>-</i>	<i>8.813.528.500</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần

e) Các quỹ công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	27.803.092.027	7.341.331.348
	27.803.092.027	7.341.331.348

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê hoạt động số 01-9/12 ngày 19/12/2018. Vào ngày 31/12/2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	3.907.395.158	3.733.995.598
<i>Trên 1 năm đến 5 năm</i>	6.433.347.036	7.785.400.642
<i>Trên 5 năm</i>	6.827.418.159	6.798.619.950

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Số 7/128 Khu Phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng và nhà ăn tập thể cho nhân viên từ năm 2018 đến năm 2034. Diện tích khu đất thuê là 51.281,9 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Vào ngày 31/12/2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	1.688.500.000	1.200.000.000
<i>Trên 1 năm đến 5 năm</i>	9.614.000.000	4.800.000.000
<i>Trên 5 năm</i>	31.922.330.000	14.300.000.000

b) Tài sản nhận giữ hộ

	<i>DVT</i>	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Vài các loại	Yard	239.130,56	272.052,80

c) Ngoại tệ các loại

31/12/2018	01/01/2018
------------	------------

	Đồng đô la Mỹ (USD)	1.474.638,72	488.005,80
	Đồng Euro (EUR)	4.205,00	4.205,00
21	TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
		Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
	Doanh thu bán hàng	1.457.159.665.483	1.408.607.066.329
	Doanh thu bán nguyên liệu và phế liệu	2.142.853.930	1.074.779.073
		1.459.302.519.413	1.409.681.845.402
	Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	-	7.654.454
22	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
		Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
	Giảm giá hàng bán	27.036.546.763	-
		27.036.546.763	-
23	GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
		Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
	Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.212.052.771.156	1.187.865.432.436
	Giá vốn của nguyên vật liệu và phế liệu đã bán	1.526.757.490	488.463.556
		1.213.579.528.646	1.188.353.895.992
24	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
		Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
	Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.041.097.217	6.840.123.085
	Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	12.494.022.827	5.825.570.511

		17.535.120.044	12.665.693.596
25	CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
		Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
	Lãi tiền vay	4.373.156.989	3.744.627.959
	Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.734.556.993	5.273.762.764
	Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	181.280.388	155.593.760
	Dự phòng tổn thất đầu tư	12.259.411.801	3.644.375.427
		27.548.406.171	12.818.359.910
26	CHI PHÍ BÁN HÀNG		
		Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.741.876.198	6.617.747.562
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.567.670.116	33.892.393.216
		18.309.546.314	40.510.140.778
27	CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
		Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	912.350.501	372.586.504
	Chi phí nhân công	42.087.340.923	80.342.554.078
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.082.857.304	1.072.794.422
	Chi phí dự phòng	11.419.413.384	57.304.441
	Thuế, phí, và lệ phí	3.432.351.268	1.035.754.842
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.091.713.520	4.657.565.881
	Chi phí khác bằng tiền	4.322.360.910	8.853.451.190
		68.348.387.810	96.392.011.358
28	THU NHẬP KHÁC		
		Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
	Thu nhập từ thanh lý thẻ hội viên sân golf	2.551.506.818	-

Tiền hỗ trợ hàng mẫu	6.594.194.216	6.705.821.272
Tiền bồi thường nhận được	9.689.295.707	1.903.291.844
Thu nhập từ bán phế liệu, thanh lý công cụ dụng cụ	400.642.653	-
Thu nhập từ công nợ không phải trả	1.427.535.496	-
Thu nhập khác	180.266.175	931.485.002
	20.843.441.065	9.540.598.118
29 . CHI PHÍ KHÁC		
	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	307.629.354	82.961.981
Giá trị còn lại của thẻ hội viên sân golf	2.102.620.000	-
Các khoản bị phạt	201.446.955	17.115.845
Chi phí khác	233.841.421	13.024.714
	2.845.537.730	113.102.540
30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	140.013.127.088	93.700.626.538
Các khoản điều chỉnh tăng	4.107.120.149	2.844.396.224
- Chi phí không hợp lệ	3.359.959.165	2.603.443.558
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	747.160.984	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	-	240.952.666
Các khoản điều chỉnh giảm	(144.276.292)	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	(86.971.851)	-
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(57.304.441)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	143.975.970.945	96.545.022.762
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	28.795.194.189	19.309.004.552
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	28.855.259	6.002.200
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	4.881.234.881	2.087.245.760
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(20.148.945.290)	(16.521.017.631)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	13.556.339.039	4.881.234.881

**31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
HOẢN LẠI**

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	20.000.000	20.000.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.000.000	20.000.000

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(52.190.533)
	-	(52.190.533)

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	712.415.108.928	755.553.446.551
Chi phí nhân công	284.456.898.702	286.574.066.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.530.634.085	11.093.116.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.551.961.187	269.849.142.915
Chi phí khác bằng tiền	19.464.041.871	21.770.471.737
	1.300.418.644.773	1.344.840.244.179

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				

Tiền và các khoản tương đương tiền	77.053.036.773	-	28.943.925.428	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	158.078.102.598	-	176.676.353.467	(57.304.441)
Các khoản cho vay	68.983.109.825	(11.476.717.825)	59.188.972.014	-
	304.114.249.196	(11.476.717.825)	264.809.250.909	(57.304.441)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	124.356.335.765	88.117.456.407
Phải trả người bán, phải trả khác	111.355.551.543	115.932.968.303
Chi phí phải trả	447.891.452	162.983.182
	236.159.778.760	204.213.407.892

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.053.036.773	-	-	77.053.036.773
Phải thu khách hàng, phải thu khác	152.601.384.773	5.476.717.825	-	158.078.102.598
Các khoản cho vay	52.372.500.000	5.133.892.000	-	57.506.392.000
	282.026.921.546	10.610.609.825	-	292.637.531.371
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.943.925.428	-	-	28.943.925.428
Phải thu khách hàng, phải thu khác	176.619.049.026	-	-	176.619.049.026
Các khoản cho vay	53.517.707.014	5.671.265.000	-	59.188.972.014
	259.080.681.468	5.671.265.000	-	264.751.946.468

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	124.356.335.765	-	-	124.356.335.765
Phải trả người bán, phải trả khác	111.355.551.543	-	-	111.355.551.543
Chi phí phải trả	447.891.452	-	-	447.891.452
	236.159.778.760	-	-	236.159.778.760

Tại ngày 01/01/2018

Vay và nợ	88.117.456.407	-	-	88.117.456.407
Phải trả người bán, phải trả khác	115.932.968.303	-	-	115.932.968.303
Chi phí phải trả	162.983.182	-	-	162.983.182
	204.213.407.892	-	-	204.213.407.892

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường; 1.185.936.080.759 1.062.767.765.496

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường; 1.149.279.839.288 1.163.429.694.266

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Protrade Laundry (*)	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển thời trang	Công ty liên kết

(*) Công ty Cổ phần Protrade Laundry trước đây là Công ty Cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương - Công ty liên kết của Công ty, từ ngày 01/08/2018 Công ty Cổ phần Protrade Laundry trở thành công ty con do Công ty Cổ phần May mặc Bình Dương mua lại phần góp vốn góp của các cổ đông lớn.

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

Năm 2018

Năm 2017

	VND	VND
Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	157.413.017.295	52.073.897.485
- Thu tiền cho vay	45.517.707.014	11.733.638.000
- Lãi tiền cho vay	978.358.411	3.309.055.065
- Vay tiền	27.000.000.000	-
- Trả tiền vay	27.000.000.000	-
- Lãi tiền đi vay	7.101.370	-
- Cổ tức được chia	23.467.276.000	20.533.866.500
- Chi trả cổ tức	32.267.504.500	11.733.638.000
- Bán thành phẩm	-	6.699.920
- Thuê đất	-	1.320.000.000
- Thuê chung cư cho công nhân	-	2.200.000.000
- Kinh phí công đoàn phải nộp	1.175.070.000	1.237.000.000
Công ty Cổ phần Protrade Laundry	24.812.404.647	60.954.534
- Chi phí thuê gia công	24.812.404.647	-
- Doanh thu bán thành phẩm	-	954.534
- Thu cước hàng không, xuất hàng trễ	-	60.000.000
- Mua cổ phần	11.276.974.543	-
- Cho vay	14.924.640.015	-
- Thu tiền cho vay	3.447.922.190	-
- Lãi tiền cho vay	171.353.534	-
- Tiền bồi thường	709.337.586	-
Công ty Cổ phần Phát triển thời trang	28.275.897.761	26.328.284.732
- Chi phí thuê gia công	11.289.125.236	26.328.284.732
- Tiền bồi thường	1.986.772.525	-
- Góp vốn	15.000.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu về cho vay	11.476.717.825	45.517.707.014
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	-	45.517.707.014
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry	11.476.717.825	-
Phải thu khác	1.142.880.575	-
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	971.527.041	-
- Công ty Cổ phần Protrade Laundry	171.353.534	-

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả cho người bán	5.870.713.416	13.168.715.833
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	7.101.370	1.222.871.184
- Công ty Cổ Phần Protrade Laundry (trước đây là Công ty Cổ phần Gia công hoàn thiện May mặc Bình Dương)	5.698.879.758	436.937.819
- Công ty Cổ phần Phát triển thời trang	164.732.288	11.508.906.830
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải trả khác	-	10.037.228.500
- Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương - CTCP	-	10.037.228.500

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.380.000.000	1.260.000.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.180.000.000	2.882.000.000

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY MẶC BÌNH DƯƠNG **PROTRADE GARMENT JOINT STOCK COMPANY**



Số 7/128 Khu phố Bình Đức 1, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương



0274. 3755 143



0274. 3755 415



info@protradegarment.com



<http://www.protradegarment.com>